

Cần Thơ, ngày 16 tháng 4 năm 2025

YÊU CẦU BÁO GIÁ

*(Về việc báo giá hóa chất, chất chuẩn/chất đối chiếu,
chủng vi sinh vật và môi trường nuôi cấy vi sinh năm 2025)*

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp hàng hóa tại Việt Nam

Trung tâm Kiểm nghiệm Thuốc, Mỹ phẩm, Thực phẩm thành phố Cần Thơ (viết tắt: Trung tâm) có nhu cầu tiếp nhận báo giá để lập dự toán cho gói thầu mua sắm hóa chất, chất chuẩn/chất đối chiếu, chủng vi sinh vật và môi trường nuôi cấy vi sinh của Trung tâm Kiểm nghiệm Thuốc, Mỹ phẩm, Thực phẩm thành phố Cần Thơ với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin nhận báo giá:

1. Đơn vị yêu cầu báo giá:

Trung tâm Kiểm nghiệm Thuốc, Mỹ phẩm, Thực phẩm thành phố Cần Thơ.

- Địa chỉ: số 399/9 Nguyễn Văn Cừ (nối dài), Phường An Bình, Quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

- Số điện thoại: 02923 831030

- Email: ttkiemnghiemct@gmail.com

2. Cách thức tiếp nhận báo giá:

Việc tiếp nhận báo giá qua 1 trong 2 cách thức sau:

- Nhận qua email: ttkiemnghiemct@gmail.com với tiêu đề [số văn bản yêu cầu báo giá]:
 - + File mềm: file báo giá (theo mẫu báo giá);
 - + Bản scan báo giá (theo mẫu báo giá, có chữ ký và đóng dấu);
 - + Bản scan Hồ sơ gửi kèm theo báo giá: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Văn bản quy định về chức năng, nhiệm vụ; Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hóa chất, chất chuẩn/chất đối chiếu, chủng vi sinh vật và môi trường nuôi cấy vi sinh; Giấy chứng nhận ISO, GLP (nếu có); Giấy ủy quyền của nhà sản xuất (nếu có) và các tài liệu liên quan được đóng dấu rõ ràng.
- Đường bưu điện hoặc gửi trực tiếp: Bản giấy báo giá (theo mẫu báo giá, có chữ ký và đóng dấu), Hồ sơ gửi kèm theo: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Văn bản quy định về chức năng, nhiệm vụ; Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hóa chất, chất chuẩn/chất đối chiếu, chủng vi sinh vật và môi trường nuôi cấy vi sinh; Giấy chứng nhận ISO, GLP (nếu có); Giấy ủy quyền của nhà sản xuất (nếu có) và các tài liệu

liên quan được đóng dấu rõ ràng gửi về địa chỉ Trung tâm Kiểm nghiệm Thuốc, Mỹ phẩm, Thực phẩm thành phố Cần Thơ, số 399/9 Nguyễn Văn Cừ (nối dài), Phường An Bình, Quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

3. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ ngày 16/4/2025 đến hết 8^h 30 ngày 25/4/2025

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

4. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: tối thiểu trong vòng 180 ngày kể từ ngày 16/4/2025.....

II. Nội dung yêu cầu báo giá

1. Danh mục: Theo phụ lục 1, phụ lục 2, phụ lục 3, phụ lục 4 (đính kèm).

2. Địa điểm cung cấp: tại Trung tâm Kiểm nghiệm Thuốc, Mỹ phẩm, Thực phẩm thành phố Cần Thơ, số 399/9 Nguyễn Văn Cừ (nối dài), phường An Bình, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

3. Các thông tin bắt buộc trong báo giá:

- Các báo giá cần có đầy đủ thông tin: Tên nhà cung cấp, địa chỉ, mã số thuế, số điện thoại liên hệ, có chữ ký của người đại diện hợp pháp, đóng dấu của nhà cung cấp.

- Giá chào là đồng Việt Nam, giá đã trừ chiết khấu, đã bao gồm các loại thuế và các chi phí liên quan (nếu có).

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Văn bản quy định về chức năng, nhiệm vụ; Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hóa chất, chất chuẩn/chất đối chiếu, chủng vi sinh vật và môi trường nuôi cấy vi sinh; Giấy chứng nhận ISO, GLP (nếu có); Giấy ủy quyền của nhà sản xuất (nếu có) và các tài liệu liên quan được đóng dấu rõ ràng.

- Các mặt hàng cần ghi rõ xuất xứ, đơn vị tính, giá cả, hạn dùng (đối với hóa chất, chất chuẩn) của từng loại mặt hàng, CoA hoặc Phiếu kiểm nghiệm chất lượng (đối với mặt hàng nước ngoài phải có CoA bằng tiếng Anh), tình trạng hàng hóa (có sẵn, đặt hàng...), nhà cung cấp cam kết về chất lượng sản phẩm của mình cung cấp.

*** Ghi chú: Trường hợp nhà cung cấp không gửi đầy đủ các thông tin và văn bản bắt buộc tại mục 3. Phần II sẽ không được xem xét.**

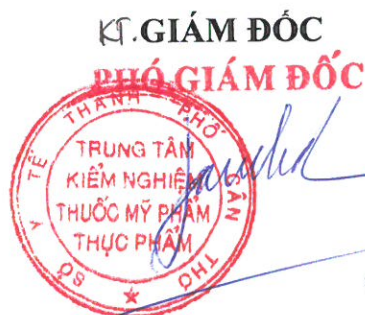
Các nhà cung cấp vui lòng gửi báo giá theo mẫu phụ lục 5, phụ lục 6, phụ lục 7, phụ lục 8 (đính kèm).

4. Các báo giá không thực hiện đúng các yêu cầu trên sẽ không được xem xét.

Trân trọng././

Nơi nhận:

- Các nhà cung cấp có quan tâm;
- Ban Giám đốc;
- Phòng HCQT-TCCB (Trang web)
- Lưu VT.



Lâm Hoàng Dũng

DANH MỤC HÓA CHẤT

(Đính kèm Thông báo số 153 /TB-TTKN ngày 16 tháng 4 năm 2025
của Trung tâm Kiểm nghiệm Thuốc, Mỹ phẩm, Thực phẩm thành phố Cần Thơ)

STT	Danh mục hàng hóa/ dịch vụ	Số lượng	Đơn vị tính	Công thức hóa học	Tính năng kỹ thuật	Nguồn gốc
1	Acetonitril	50	Chai 4000ml	C_2H_3N	Tinh khiết dùng cho HPLC	Nhóm nước G7
2	Methanol	50	Chai 4000ml	CH_4O	Tinh khiết dùng cho HPLC	Nhóm nước G7
3	Acid acetic	2	Chai 1000ml	$C_2H_4O_2$	Tinh khiết dùng cho phân tích	Nhóm nước G7
4	Acid benzensulfonic	1	Chai 250g	$C_6H_6O_3S$	Tinh khiết dùng cho phân tích	Nhóm nước G7
5	Acid formic	1	Chai 1000ml	CH_2O_2	Tinh khiết dùng cho phân tích	Nhóm nước G7
6	Acid hydrochloric	3	Chai 1000ml	HCl	Tinh khiết dùng cho phân tích	Nhóm nước G7
7	Acid nitric	2	Chai 1000ml	HNO_3	Tinh khiết dùng cho phân tích	Nhóm nước G7
8	Acid percloric 0,1N	1	Chai 1000ml	$HClO_4$	Tinh khiết dùng cho Chuẩn độ điện thế	Nhóm nước G7

STT	Danh mục hàng hóa/ dịch vụ	Số lượng	Đơn vị tính	Công thức hóa học	Tính năng kỹ thuật	Nguồn gốc
9	Acid phosphoric	2	Chai 1000ml	H_3PO_4	Tinh khiết dùng cho phân tích	Nhóm nước G7
10	Acid sulfuric	1	Chai 2500ml	H_2SO_4	Tinh khiết dùng cho phân tích	Nhóm nước G7
11	Amoni acetat	2	Chai 500g	$C_2H_7NO_2$	Tinh khiết dùng cho phân tích	Nhóm nước G7
12	Amoni dihydrophosphat	1	Chai 1000g	$NH_4H_2PO_4$	Tinh khiết dùng cho phân tích	Nhóm nước G7
13	Amoniac	1	Chai 1000ml	NH_3	Tinh khiết dùng cho phân tích	Nhóm nước G7
14	Cloroform	1	Chai 2500ml	$CHCl_3$	Tinh khiết dùng cho phân tích	Nhóm nước G7
15	Diamoni hydrophosphat	1	Chai 500g	$(NH_4)_2HPO_4$	Tinh khiết dùng cho phân tích	Nhóm nước G7
16	Diamoni oxalat	1	Chai 250g	$(NH_4)_2C_2O_4$	Tinh khiết dùng cho phân tích	Nhóm nước G7
17	Dimethyl sulfoxide	1	Chai 1000ml	C_2H_6OS	Tinh khiết dùng cho phân tích	Nhóm nước G7
18	Dimethylformamide	1	Chai 2500ml	C_3H_7NO	Tinh khiết dùng cho phân tích	Nhóm nước G7
19	Dinatri hydrophosphat	1	Chai 1000g	Na_2HPO_4	Tinh khiết dùng cho phân tích	Nhóm nước G7
20	Ethanol 96%	1	Chai 2500ml	C_2H_6O	Tinh khiết dùng cho phân tích	Nhóm nước G7

STT	Danh mục hàng hóa/ dịch vụ	Số lượng	Đơn vị tính	Công thức hóa học	Tính năng kỹ thuật	Nguồn gốc
21	Ethanol tuyệt đối	1	Chai 2500ml	C_2H_6O	Tinh khiết dùng cho phân tích	Nhóm nước G7
22	Diethyl ether	1	Chai 2500ml	$(C_2H_5)_2O$	Tinh khiết dùng cho phân tích	Nhóm nước G7
23	Glycerin	1	Chai 1000ml	$C_3H_8O_3$	Tinh khiết dùng cho phân tích	Nhóm nước G7
24	Glycin	1	Chai 250g	$C_2H_5NO_2$	Tinh khiết dùng cho phân tích	Nhóm nước G7
25	Hydrogen peroxid	1	Chai 1000ml	H_2O_2	Tinh khiết dùng cho phân tích	Nhóm nước G7
26	Kali bromid	1	Chai 100g	KBr	Tinh khiết dùng cho IR	Nhóm nước G7
27	Kali clorid	1	Chai 1000g	KCl	Tinh khiết dùng cho phân tích	Nhóm nước G7
28	Kali dihydrophosphat	2	Chai 1000g	KH_2PO_4	Tinh khiết dùng cho phân tích	Nhóm nước G7
29	Kali hydroxyd	1	Chai 1000g	KOH	Tinh khiết dùng cho phân tích	Nhóm nước G7
30	Kali iod	1	Chai 500g	KI	Tinh khiết dùng cho phân tích	Nhóm nước G7
31	Kẽm (hạt)	1	Chai 250g	Zn	Tinh khiết dùng cho phân tích	Nhóm nước G7
32	Natri butansulfonat	1	Chai 25g	$C_4H_9NaO_3S$	Tinh khiết dùng cho phân tích	Nhóm nước G7

STT	Danh mục hàng hóa/ dịch vụ	Số lượng	Đơn vị tính	Công thức hóa học	Tính năng kỹ thuật	Nguồn gốc
33	Natri citrat	1	Chai 500g	$\text{Na}_3\text{C}_6\text{H}_5\text{O}_7$	Tinh khiết dùng cho phân tích	Nhóm nước G7
34	Natri clorid	1	Chai 500g	NaCl	Tinh khiết dùng cho phân tích	Nhóm nước G7
35	Natri edetat	1	Chai 100g	$\text{C}_{10}\text{H}_{12}\text{N}_2\text{Na}_4\text{O}_8$	Tinh khiết dùng cho phân tích	Nhóm nước G7
36	Natri heptansulfonat	1	Chai 100g	$\text{C}_7\text{H}_{15}\text{NaO}_3\text{S}$	Tinh khiết dùng cho phân tích	Nhóm nước G7
37	Natri lauryl sulfat	1	Chai 500g	$\text{NaC}_{12}\text{H}_{25}\text{SO}_4$	Tinh khiết dùng cho phân tích	Nhóm nước G7
38	Natri metabisulfit	1	Chai 500g	$\text{Na}_2\text{S}_2\text{O}_5$	Tinh khiết dùng cho phân tích	Nhóm nước G7
39	Natri octansulfonat	1	Chai 25g	$\text{C}_8\text{H}_{17}\text{NaO}_3\text{S}$	Tinh khiết dùng cho phân tích	Nhóm nước G7
40	Natri pentansulfonat	1	Chai 100g	$\text{C}_5\text{H}_{11}\text{NaO}_3\text{S}$	Tinh khiết dùng cho phân tích	Nhóm nước G7
41	Natri perclorat	1	Chai 250g	NaClO_4	Tinh khiết dùng cho phân tích	Nhóm nước G7
42	Natri phosphat	1	Chai 1000g	Na_3PO_4	Tinh khiết dùng cho phân tích	Nhóm nước G7
43	Natri tetraborat	1	Chai 500g	$\text{Na}_2\text{B}_4\text{O}_7$	Tinh khiết dùng cho phân tích	Nhóm nước G7
44	n-Hexan	1	Chai 4000ml	C_6H_{14}	Tinh khiết dùng cho phân tích	Nhóm nước G7

STT	Danh mục hàng hóa/ dịch vụ	Số lượng	Đơn vị tính	Công thức hóa học	Tính năng kỹ thuật	Nguồn gốc
45	Polyethylene glycol 400	1	Chai 1000ml	-	Tinh khiết dùng cho phân tích	Nhóm nước G7
46	Tert butanol	1	Chai 500ml	C ₄ H ₁₀ O	Tinh khiết dùng cho phân tích	Nhóm nước G7
47	Tetrabutylamoni hydrosulfat	1	Chai 25g	C ₁₆ H ₃₇ NO ₄ S	Tinh khiết dùng cho phân tích	Nhóm nước G7
48	Tetrahydrofuran	1	Chai 1000ml	C ₄ H ₈ O	Tinh khiết dùng cho phân tích	Nhóm nước G7
49	Tetra-n-butylamoni hydroxyd 40%	1	Chai 100ml	C ₁₆ H ₃₇ NO	Tinh khiết dùng cho phân tích	Nhóm nước G7
50	Thiếc (II) clorid	1	Chai 100g	SnCl ₂	Tinh khiết dùng cho phân tích	Nhóm nước G7
51	Thioacetamid	1	Chai 25g	C ₂ H ₅ NS	Tinh khiết dùng cho phân tích	Nhóm nước G7
52	Triethylamin	2	Chai 1000ml	C ₆ H ₁₅ N	Tinh khiết dùng cho phân tích	Nhóm nước G7
53	Dung dịch chuẩn Nitrat (1000mg/l)	1	Chai 500ml	-	Tinh khiết dùng cho phân tích	Nhóm nước G7
54	Dung dịch chuẩn Amonium (1000mg/l)	1	Chai 500ml	-	Tinh khiết dùng cho phân tích	Nhóm nước G7
55	Dung dịch chuẩn Chì (1000mg/l)	1	Chai 500ml	-	Tinh khiết dùng cho phân tích	Nhóm nước G7
56	Dung dịch chuẩn Arsen (1000mg/l)	1	Chai 500ml	-	Tinh khiết dùng cho phân tích	Nhóm nước G7

STT	Danh mục hàng hóa/ dịch vụ	Số lượng	Đơn vị tính	Công thức hóa học	Tính năng kỹ thuật	Nguồn gốc
57	Dung dịch chuẩn NaCl 1000 μ S/cm	1	Chai 100ml		Dung dịch chuẩn dùng cho máy đo độ dẫn điện	Nhóm nước G7
58	Dung dịch chuẩn KCl 3M	1	Chai 250ml	-	Tinh khiết dùng cho bảo quản điện cực máy đo pH	Nhóm nước G7
59	Dung dịch đệm pH 4,01 $\pm$ 0,01	1	Chai 250ml	-	Đệm chuẩn dùng cho máy đo pH	Nhóm nước G7
60	Dung dịch đệm pH 7,00 $\pm$ 0,01	1	Chai 250ml	-	Đệm chuẩn dùng cho máy đo pH	Nhóm nước G7
61	Dung dịch đệm pH 10,01 $\pm$ 0,01	1	Chai 250ml	-	Đệm chuẩn dùng cho máy đo pH	Nhóm nước G7
62	n-Butanol	1	Chai 1000ml	C ₄ H ₁₀ O	Tinh khiết dùng cho phân tích	Nhóm nước G7
63	Bạc nitrat	1	Chai 25g	AgNO ₃	Tinh khiết dùng cho phân tích	Nhóm nước G7
64	Bismuth nitrat base	1	Chai 100g	Bi(NO ₃) ₃	Tinh khiết dùng cho phân tích	Nhóm nước G7
65	Natri nitroprussiat	1	Chai 25g	C ₅ FeN ₆ Na ₂ O	Tinh khiết dùng cho phân tích	Nhóm nước G7
66	Bromothymol xanh	1	Chai 5g	C ₂₇ H ₂₈ Br ₂ O ₅ S	Tinh khiết dùng cho phân tích	Nhóm nước G7
67	Cyanogen bromid	1	Chai 25g	BrCN	Tinh khiết dùng cho phân tích	Nhóm nước G7
68	Eriochrom đen T	1	Chai 25g	C ₂₀ H ₁₂ N ₃ O ₇ SNa	Tinh khiết dùng cho phân tích	Nhóm nước G7

STT	Danh mục hàng hóa/ dịch vụ	Số lượng	Đơn vị tính	Công thức hóa học	Tính năng kỹ thuật	Nguồn gốc
69	Mercury (II) iodide red	1	Chai 25g	HgI ₂	Tinh khiết dùng cho phân tích	Nhóm nước G7
70	Methyl đỏ	1	Chai 25g	C ₁₅ H ₁₅ N ₃ O ₂	Tinh khiết dùng cho phân tích	Nhóm nước G7
71	Phenol đỏ	1	Chai 25g	C ₁₉ H ₁₄ O ₅ S	Tinh khiết dùng cho phân tích	Nhóm nước G7
72	Thủy ngân (II) bromid	1	Chai 100g	HgBr ₂	Tinh khiết dùng cho phân tích	Nhóm nước G7
73	Tetrazolium xanh	1	Chai 5g	C ₄₀ H ₃₂ Cl ₂ N ₈ O ₂	Tinh khiết dùng cho phân tích	Nhóm nước G7
74	Solvent	2	Chai 1000ml	-	Tinh khiết dùng cho Chuẩn độ điện thế	Nhóm nước G7
75	Titran 5	1	Chai 1000ml	-	Tinh khiết dùng cho Chuẩn độ điện thế	Nhóm nước G7
76	Sắt (II) sulfat	1	Chai 500g	FeSO ₄	Tinh khiết dùng cho phân tích	Nhóm nước G7
77	Sắt (III) clorid	1	Chai 500g	FeCl ₃	Tinh khiết dùng cho phân tích	Nhóm nước G7
78	1,10-Phenanthroline iron (II) sulfate 1/40 mol/l (Chỉ thị Ferroin)	1	Chai 100ml	-	Chỉ thị dùng cho phân tích	Nhóm nước G7
79	1,4-Dioxan	2	Chai 500ml	C ₄ H ₈ O ₂	Tinh khiết dùng cho phân tích	Châu Á
80	2,4-dinitrophenyl hydrazin	1	Chai 25g	C ₆ H ₆ N ₄ O ₄	Tinh khiết dùng cho phân tích	Châu Á

STT	Danh mục hàng hóa/ dịch vụ	Số lượng	Đơn vị tính	Công thức hóa học	Tính năng kỹ thuật	Nguồn gốc
81	2,6-dicloroquinon- 4 - clorimid	1	Chai 10g	$C_6H_2Cl_3NO$	Tinh khiết dùng cho phân tích	Châu Á
82	Aceton	15	Chai 500ml	C_3H_6O	Tinh khiết dùng cho phân tích	Châu Á
83	Acid boric	1	Chai 500g	H_3BO_3	Tinh khiết dùng cho phân tích	Châu Á
84	Acid citric	1	Chai 500g	$C_8H_8O_7.H_2O$	Tinh khiết dùng cho phân tích	Châu Á
85	Acid hydroclorid	25	Chai 500ml	HCl	Tinh khiết dùng cho phân tích	Châu Á
86	Acid nitric	2	Chai 500ml	HNO_3	Tinh khiết dùng cho phân tích	Châu Á
87	Acid oxalic	1	Chai 500g	$C_2H_2O_4$	Tinh khiết dùng cho phân tích	Châu Á
88	Acid picric	1	Chai 500g	$C_6H_3N_7O_3$	Tinh khiết dùng cho phân tích	Châu Á
89	Acid tannic	1	Chai 250g	$C_{76}H_{52}O_{46}$	Tinh khiết dùng cho phân tích	Châu Á
90	Acid tartaric	1	Chai 500g	$C_4H_6O_6$	Tinh khiết dùng cho phân tích	Châu Á
91	Acid trichloroacetic	1	Chai 500g	$C_2HCl_3O_2$	Tinh khiết dùng cho phân tích	Châu Á
92	Amoni clorid	1	Chai 500g	NH_4Cl	Tinh khiết dùng cho phân tích	Châu Á

STT	Danh mục hàng hóa/ dịch vụ	Số lượng	Đơn vị tính	Công thức hóa học	Tính năng kỹ thuật	Nguồn gốc
93	Anhydric acetic	1	Chai 500ml	$C_4H_6O_3$	Tinh khiết dùng cho phân tích	Châu Á
94	Anilin	1	Chai 500ml	C_6H_7N	Tinh khiết dùng cho phân tích	Châu Á
95	Antimony trichlorid	1	Chai 500g	$SbCl_3$	Tinh khiết dùng cho phân tích	Châu Á
96	Bari clorid	1	Chai 500g	$BaCl_2$	Tinh khiết dùng cho phân tích	Châu Á
97	Chì acetat	1	Chai 500g	$Pb(CH_3COO)_2$	Tinh khiết dùng cho phân tích	Châu Á
98	Cloral hydrat	1	Chai 250g	$C_2H_3Cl_3O_2$	Tinh khiết dùng cho phân tích	Châu Á
99	Cloroform	25	Chai 500ml	$CHCl_3$	Tinh khiết dùng cho phân tích	Châu Á
100	Cyclohexan	5	Chai 500ml	C_6H_{12}	Tinh khiết dùng cho phân tích	Châu Á
101	Dicloromethan	25	Chai 500ml	CH_2Cl_2	Tinh khiết dùng cho phân tích	Châu Á
102	Diethylamin	1	Chai 500ml	$(C_2H_5)_2NH$	Tinh khiết dùng cho phân tích	Châu Á
103	Dikali hydrophosphat	5	Chai 500g	K_2HPO_4	Tinh khiết dùng cho phân tích	Châu Á
104	Diphenylamin	1	Chai 500ml	$(C_6H_5)_2NH$	Tinh khiết dùng cho phân tích	Châu Á

STT	Danh mục hàng hóa/ dịch vụ	Số lượng	Đơn vị tính	Công thức hóa học	Tính năng kỹ thuật	Nguồn gốc
105	Ethanol 96%	50	Chai 1000ml	C_2H_5OH	Tinh khiết dùng cho phân tích	Châu Á
106	Ethanol tuyệt đối	50	Chai 1000ml	C_2H_5OH	Tinh khiết dùng cho phân tích	Châu Á
107	Diethyl ether	20	Chai 500ml	$C_4H_{10}O$	Tinh khiết dùng cho phân tích	Châu Á
108	Ether dầu hỏa 60-90	10	Chai 500ml	$C_4H_{10}O$	Tinh khiết dùng cho phân tích	Châu Á
109	Ethyl acetat	15	Chai 500ml	$C_4H_8O_2$	Tinh khiết dùng cho phân tích	Châu Á
110	Giấy quỳ	1	Hộp 100test	-	Tinh khiết dùng cho phân tích	Châu Á
111	Isobutanol	1	Chai 500ml	$C_4H_{10}O$	Tinh khiết dùng cho phân tích	Châu Á
112	Kali antimonat	1	Chai 500g	H_6KO_6Sb	Tinh khiết dùng cho phân tích	Châu Á
113	Kali carbonat	1	Chai 500g	K_2CO_3	Tinh khiết dùng cho phân tích	Châu Á
114	Kali cromat	1	Chai 500g	K_2CrO_4	Tinh khiết dùng cho phân tích	Châu Á
115	Kali dicromat	1	Chai 500g	$K_2Cr_2O_7$	Tinh khiết dùng cho phân tích	Châu Á
116	Kali dihydrophosphat	1	Chai 500g	KH_2PO_4	Tinh khiết dùng cho phân tích	Châu Á

STT	Danh mục hàng hóa/ dịch vụ	Số lượng	Đơn vị tính	Công thức hóa học	Tính năng kỹ thuật	Nguồn gốc
117	Kali ferocyanid	1	Chai 500g	$K_4[Fe(CN)_6]$	Tinh khiết dùng cho phân tích	Châu Á
118	Kali natri tartrat	1	Chai 500g	$C_4H_4KNaO_6$	Tinh khiết dùng cho phân tích	Châu Á
119	Kali permanganat	1	Chai 500g	$KMnO_4$	Tinh khiết dùng cho phân tích	Châu Á
120	Magie	1	Chai 250g	Mg	Tinh khiết dùng cho phân tích	Châu Á
121	Magie uranyl acetat	1	Chai 500g	$Mg(UO_2)(CH_3COO)_4$	Tinh khiết dùng cho phân tích	Châu Á
122	Methanol	25	Chai 500ml	CH_3OH	Tinh khiết dùng cho phân tích	Châu Á
123	N-(1-naphthyl)-ethylendiamin dihydroclorid	1	Chai 10g	$C_{12}H_{14}N$	Tinh khiết dùng cho phân tích	Châu Á
124	Natri cobaltinitrit	1	Chai 500g	$Na_3[Co(NO_2)_6]$	Tinh khiết dùng cho phân tích	Châu Á
125	Natri nitrit	1	Chai 500g	$NaNO_2$	Tinh khiết dùng cho phân tích	Châu Á
126	n-Butanol	5	Chai 500ml	$C_4H_{10}O$	Tinh khiết dùng cho phân tích	Châu Á
127	Ninhydrin	2	Chai 5g	$C_9H_6O_4$	Tinh khiết dùng cho phân tích	Châu Á
128	Ống chuẩn Bạc nitrat 0,1N	5	Ống -	$AgNO_3$	Tinh khiết dùng cho phân tích	Châu Á

STT	Danh mục hàng hóa/ dịch vụ	Số lượng	Đơn vị tính	Công thức hóa học	Tính năng kỹ thuật	Nguồn gốc
129	Ống chuẩn HCl 0,1N	5	Ống -	HCl	Tinh khiết dùng cho phân tích	Châu Á
130	Ống chuẩn NaOH 0,1N	5	Ống -	NaOH	Tinh khiết dùng cho phân tích	Châu Á
131	Ống chuẩn Natri thiosulphate 0,1N	5	Ống -	Na ₂ S ₂ O ₃	Tinh khiết dùng cho phân tích	Châu Á
132	Ống chuẩn Ammonium cerium (IV) sulfate 0,1M	1	Ống -	Ce(NH ₄) ₄ (SO ₄) ₄	Tinh khiết dùng cho phân tích	Châu Á
133	Dung dịch chuẩn độ Bạc nitrat 0,1N	1	Chai 1000ml	AgNO ₃	Tinh khiết dùng cho phân tích	Châu Á
134	Dung dịch chuẩn độ HCl 0,1N	1	Chai 1000ml	HCl	Tinh khiết dùng cho phân tích	Châu Á
135	Dung dịch chuẩn độ NaOH 0,1N	2	Chai 1000ml	NaOH	Tinh khiết dùng cho phân tích	Châu Á
136	Dung dịch chuẩn độ Natri thiosulphate 0,1N	2	Chai 1000ml	Na ₂ S ₂ O ₃	Tinh khiết dùng cho phân tích	Châu Á
137	p-Dimethyl amino benzaldehyde	1	Chai 100g	C ₉ H ₁₁ NO	Tinh khiết dùng cho phân tích	Châu Á
138	Phèn sắt amoni	1	Chai 500g	FeNH ₄ (SO ₄) ₂	Tinh khiết dùng cho phân tích	Châu Á
139	1-Propanol	1	Chai 500ml	C ₃ H ₈ O	Tinh khiết dùng cho phân tích	Châu Á
140	Sacaroza	1	Chai 500g	C ₁₂ H ₂₂ O ₁₁	Tinh khiết dùng cho phân tích	Châu Á

STT	Danh mục hàng hóa/ dịch vụ	Số lượng	Đơn vị tính	Công thức hóa học	Tính năng kỹ thuật	Nguồn gốc
141	n-Tetradecan	1	Chai 100ml	$C_{14}H_{30}$	Tinh khiết dùng cho phân tích	Châu Á
142	Toluen	25	Chai 500ml	$C_6H_5CH_3$	Tinh khiết dùng cho phân tích	Châu Á
143	Vanilin	1	Chai 100g	$C_8H_8O_3$	Tinh khiết dùng cho phân tích	Châu Á
144	Xylen	1	Chai 500ml	C_8H_{10}	Tinh khiết dùng cho phân tích	Châu Á

mas

Tổng cộng: 144 mặt hàng

CAM

DANH MỤC CHẤT CHUẨN/CHẤT ĐỐI CHIẾU

(Đính kèm Thông báo số 153 /TB-TTKN ngày 16 tháng 4 năm 2025
của Trung tâm Kiểm nghiệm Thuốc, Mỹ phẩm, Thực phẩm thành phố Cần Thơ

STT	Danh mục hàng hóa/ dịch vụ	Số lượng	Đơn vị tính	Công thức hóa học/ Tên khoa học	Tính năng kỹ thuật	Nguồn gốc/ Xuất xứ
1	Acetylcystein	2	Lọ	$C_5H_9NO_3S$	Định tính/ Định lượng	Đông Nam Á
2	Acid mefenamic	5	Lọ	$C_{15}H_{15}NO_2$	Định tính/ Định lượng	Đông Nam Á
3	Ambroxol	2	Lọ	$C_{13}H_{18}Br_2N_2O.HCl$	Định tính/ Định lượng	Đông Nam Á
4	Amlodipin besilat	5	Lọ	$C_{20}H_{25}ClN_2O_5.C_6H_6O_3S$	Định tính/ Định lượng	Đông Nam Á
5	Amoxicillin	7	Lọ	$C_{16}H_{19}N_3O_5S.3H_2O$	Định tính/ Định lượng	Đông Nam Á
6	Ampicilin	2	Lọ	$C_{16}H_{18}N_3NaO_4S$	Định tính/ Định lượng	Đông Nam Á
7	Aspirin	5	Lọ	$C_9H_8O_4$	Định tính/ Định lượng	Đông Nam Á
8	Cefadroxil	5	Lọ	$C_{16}H_{17}N_3O_5S$	Định tính/ Định lượng	Đông Nam Á
9	Celecoxib	5	Lọ	$C_{20}H_{18}ClNO_4$	Định tính/ Định lượng	Đông Nam Á
10	Cephalexin	7	Lọ	$C_{16}H_{17}N_3O_4S$	Định tính/ Định lượng	Đông Nam Á



[Handwritten signature]

STT	Danh mục hàng hóa/ dịch vụ	Số lượng	Đơn vị tính	Công thức hóa học/ Tên khoa học	Tính năng kỹ thuật	Nguồn gốc/ Xuất xứ
11	Cetirizine dihydroclorid	12	Lọ	$C_{21}H_{25}ClN_2O_3S$	Định tính/ Định lượng	Đông Nam Á
12	Cimetidin	1	Lọ	$C_{10}H_{16}N_6S$	Định tính/ Định lượng	Đông Nam Á
13	Cinarizin	5	Lọ	$C_{26}H_{28}N_2$	Định tính/ Định lượng	Đông Nam Á
14	Clorpheniramin	10	Lọ	$C_{16}H_{19}ClN_2.C_4H_4O_4$	Định tính/ Định lượng	Đông Nam Á
15	Diclofenac natri	5	Lọ	$C_{14}H_{10}Cl_2NNaO_2$	Định tính/ Định lượng	Đông Nam Á
16	Domperidone maleat	10	Lọ	$C_{22}H_{24}ClN_5O_2.C_4H_4O_4$	Định tính/ Định lượng	Đông Nam Á
17	Doxycyclin hyclat	5	Lọ	$C_{22}H_{24}N_2O_8.HCl\ 0.5H_2O \cdot 0.5C_2H_6O$	Định tính/ Định lượng	Đông Nam Á
18	Fexofenadin hydroclorid	5	Lọ	$C_{32}H_{39}NO_4.HCl$	Định tính/ Định lượng	Đông Nam Á
19	Ibuprofen	5	Lọ	$C_{13}H_{18}O_2$	Định tính/ Định lượng	Đông Nam Á
20	Lincomycin	7	Lọ	$C_{18}H_{34}N_2O_6S.HCl$	Định tính/ Định lượng	Đông Nam Á
21	Loratadin	5	Lọ	$C_{22}H_{23}ClN_2O_2$	Định tính/ Định lượng	Đông Nam Á
22	Losartan kali	5	Lọ	$C_{22}H_{23}ClN_6O$	Định tính/ Định lượng	Đông Nam Á
23	Methylprednisolon	5	Lọ	$C_{22}H_{30}O_5$	Định tính/ Định lượng	Đông Nam Á
24	Omeprazol	5	Lọ	$C_{17}H_{19}N_3O_3S$	Định tính/ Định lượng	Đông Nam Á

STT	Danh mục hàng hóa/ dịch vụ	Số lượng	Đơn vị tính	Công thức hóa học/ Tên khoa học	Tính năng kỹ thuật	Nguồn gốc/ Xuất xứ
25	Paracetamol	10	Lọ	$C_8H_9NO_2$	Định tính/ Định lượng	Đông Nam Á
26	Piracetam	4	Lọ	$C_6H_{10}N_2O_2$	Định tính/ Định lượng	Đông Nam Á
27	Prednisolon	7	Lọ	$C_{21}H_{28}O_5$	Định tính/ Định lượng	Đông Nam Á
28	Pyridoxin hydroclorid	2	Lọ	$C_8H_{11}NO_3.HCl$	Định tính/ Định lượng	Đông Nam Á
29	Spiramycin	2	Lọ	$C_{43}H_{74}N_2O_{14}$	Định tính/ Định lượng	Đông Nam Á
30	Sulpirid	5	Lọ	$C_{15}H_{23}N_3O_4S$	Định tính/ Định lượng	Đông Nam Á
31	Thiamin nitrat	7	Lọ	$C_{12}H_{17}N_5O_4S$	Định tính/ Định lượng	Đông Nam Á
32	Methylparaben	2	Lọ	$C_8H_8O_3$	Định tính/ Định lượng	Đông Nam Á
33	Propylparaben	2	Lọ	$C_{10}H_{12}O_3$	Định tính/ Định lượng	Đông Nam Á
34	Acid salicylic	2	Lọ	$C_7H_6O_3$	Định tính/ Định lượng	Đông Nam Á
35	Tạp A Fexofenadin	2	Lọ	$C_{19}H_{24}N_2O_4$	Định tính/ Định lượng	Đông Nam Á
36	L-phenylalanin	2	Lọ	$C_9H_{11}NO_2$	Định tính/ Định lượng	Đông Nam Á
37	2,3-dimethylanilin	1	Lọ	$C_8H_{11}N$	Định tính/ Định lượng	Đông Nam Á
38	Cephadrin	4	Lọ	$C_{16}H_{19}N_3O_4S$	Định tính/ Định lượng	Đông Nam Á



STT	Danh mục hàng hóa/ dịch vụ	Số lượng	Đơn vị tính	Công thức hóa học/ Tên khoa học	Tính năng kỹ thuật	Nguồn gốc/ Xuất xứ
39	Tạp A Diclofenac natri	5	Lọ	$C_{14}H_9ClNO$	Định tính/ Định lượng	Đông Nam Á
40	Droperiol	1	Lọ	$C_{22}H_{22}FN_3O_2$	Định tính/ Định lượng	Đông Nam Á
41	Tạp B Ibuprofen	1	Lọ	$C_{13}H_{18}O_2$	Định tính/ Định lượng	Đông Nam Á
42	Hydrocortison	2	Lọ	$C_{23}H_{32}O_6$	Định tính/ Định lượng	Đông Nam Á
43	Benzalkonium	2	Lọ	$C_{22}H_{40}ClN$	Định tính/ Định lượng	Đông Nam Á
44	Tạp D omeprazol	1	Lọ	$C_{17}H_{19}N_3O_3S$	Định tính/ Định lượng	Đông Nam Á
45	Natri benzoat	2	Lọ	$C_7H_5NaO_2$	Định tính/ Định lượng	Đông Nam Á
46	Dexamethason	2	Lọ	$C_{22}H_{29}FO_5$	Định tính/ Định lượng	Đông Nam Á
47	Erythromycin	1	Lọ	$C_{37}H_{67}NO_{13}$	Định tính/ Định lượng	Đông Nam Á
48	Tạp A Sulpirid	1	Lọ	$C_{15}H_{23}N_3O_4S$	Định tính/ Định lượng	Đông Nam Á
49	Tạp B Sulpirid	2	Lọ	$C_9H_{11}NO_5S$	Định tính/ Định lượng	Đông Nam Á
50	Tạp A Cefadroxil	1	Lọ	$C_{16}H_{19}N_3O_5S$	Định tính/ Định lượng	Đông Nam Á
51	Tạp B Cefadroxil	1	Lọ	$C_{16}H_{18}N_2O_5S$	Định tính/ Định lượng	Đông Nam Á
52	Hydrocortison acetat	1	Lọ	$C_{23}H_{32}O_6$	Định tính/ Định lượng	Đông Nam Á

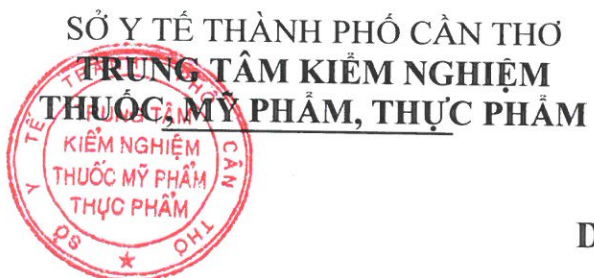
STT	Danh mục hàng hóa/ dịch vụ	Số lượng	Đơn vị tính	Công thức hóa học/ Tên khoa học	Tính năng kỹ thuật	Nguồn gốc/ Xuất xứ
53	Dexamethason acetat	1	Lọ	$C_{24}H_{31}FO_6$	Định tính/ Định lượng	Đông Nam Á
54	Triamcinolon acetonid	1	Lọ	$C_{24}H_{30}F_2O_6$	Định tính/ Định lượng	Đông Nam Á
55	Betamethason	1	Lọ	$C_{22}H_{29}FO_5$	Định tính/ Định lượng	Đông Nam Á
56	Amoni glycyrrhizinat	1	Lọ	$C_{42}H_65NO_{16} \cdot NH_3$	Định tính/ Định lượng	Đông Nam Á
57	Aldehyd cinnamic	1	Lọ	C_9H_8O	Định tính/ Định lượng	Đông Nam Á
58	Berberin	1	Lọ	$C_{20}H_{18}ClNO_4$	Định tính/Định lượng	Đông Nam Á
59	Alphatocopheryl acetat	2	Lọ	$C_{31}H_{52}O_3$	Định tính/ Định lượng	Đông Nam Á
60	Curcumin	2	Lọ	$C_{21}H_{20}O_6$	Định tính/ Định lượng	Đông Nam Á
61	Arbutin	1	Lọ	$C_{12}H_{16}O_7$	Định tính/ Định lượng	Đông Nam Á
62	2-Phenoxyethanol	1	Lọ	$C_8H_{10}O_2$	Định tính/ Định lượng	Đông Nam Á
63	Ethyl 4-hydroxybenzoat (ethylparaben)	1	Lọ	$C_9H_{10}O_3$	Định tính/ Định lượng	Đông Nam Á
64	n-Butyl 4- hydroxybenzoat (butylparaben)	1	Lọ	$C_{11}H_{14}O_3$	Định tính/ Định lượng	Đông Nam Á
65	Quế (Cành)	2 lọ/ 2 gói	Lọ/Gói	<i>Ramulus cinnamoni</i>	Định tính/ Định lượng	Đông Nam Á
66	Quế (Vỏ thân)	1	Lọ/Gói	<i>Cortex cinnamomi</i>	Định tính/ Định lượng	Đông Nam Á

BỘ Y TẾ
 CÁN BỘ Y TẾ

STT	Danh mục hàng hóa/ dịch vụ	Số lượng	Đơn vị tính	Công thức hóa học/ Tên khoa học	Tính năng kỹ thuật	Nguồn gốc/ Xuất xứ
67	Câu kỷ tử (Quả)	2 lọ/ 2 gói	Lọ/Gói	<i>Fructus Lycii</i>	Định tính/ Định lượng	Đông Nam Á
68	Ké đầu ngựa (Quả)	2 lọ/ 2 gói	Lọ/Gói	<i>Fructus Xanthii strumarii</i>	Định tính/ Định lượng	Đông Nam Á
69	Hà thủ ô đỏ (Rễ)	1 lọ/ 1 gói	Lọ/Gói	<i>Radix Fallopiae multiflorae</i>	Định tính/ Định lượng	Đông Nam Á
70	Cam thảo (Rễ)	1 lọ/ 1 gói	Lọ/Gói	<i>Radix et Rhizoma Glycyrrhizae</i>	Định tính/ Định lượng	Đông Nam Á
71	Nghệ (Thân rễ)	1 lọ/ 1 gói	Lọ/Gói	<i>Rhizoma Curcumae longae</i>	Định tính/ Định lượng	Đông Nam Á
72	Tinh dầu nghệ	1	Lọ 100ml	-	Định tính/ Định lượng	Đông Nam Á

Ma

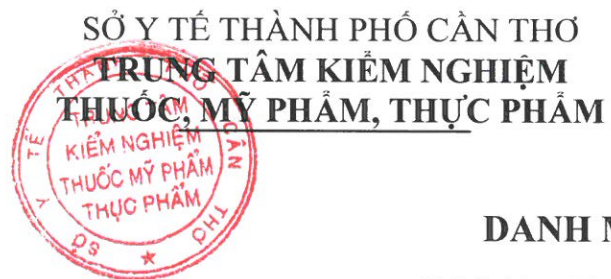
Tổng cộng: 72 mặt hàng

**DANH MỤC CHỦNG VI SINH VẬT**

(Đính kèm Thông báo số 153 /TB-TTKN ngày 16 tháng 4 năm 2025
của Trung tâm Kiểm nghiệm Thuốc, Mỹ phẩm, Thực phẩm thành phố Cần Thơ)

Stt	Danh mục hàng hóa/ dịch vụ	Số lượng	Đơn vị tính	Tính năng kỹ thuật	Nguồn gốc/Xuất xứ
1	Chủng <i>Candida albicans</i> ATCC 10231	1	Gói/Set	Nấm men, dùng định danh vi sinh vật gây bệnh (GHNK) G3	Nhóm nước G7
2	Chủng <i>E.coli</i> ATCC 8739	1	Gói/Set	Trực khuẩn Gram âm, dùng định danh vi sinh vật gây bệnh (GHNK) G3	Nhóm nước G7
3	Chủng <i>Pseudomonas aeruginosa</i> ATCC 9027	1	Gói/Set	Trực khuẩn Gram âm, dùng định danh vi sinh vật gây bệnh (GHNK) G3	Nhóm nước G7
4	Chủng <i>Salmonella typhimurium</i> ATCC 14028	1	Gói/Set	Trực khuẩn Gram âm, dùng định danh vi sinh vật gây bệnh (GHNK) G3	Nhóm nước G7
5	Chủng <i>Staphylococcus aureus</i> ATCC 6538	1	Gói/Set	Cầu khuẩn Gram dương, dùng định danh vi sinh vật gây bệnh (GHNK) G3	Nhóm nước G7

Tổng cộng: 05 mặt hàng



DANH MỤC MÔI TRƯỜNG NUÔI CÂY VI SINH

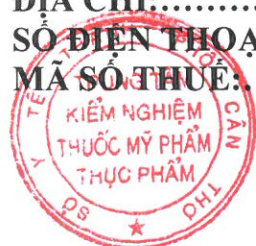
(Đính kèm Thông báo số 153 /TB-TTKN ngày 16 tháng 4 năm 2025
của Trung tâm Kiểm nghiệm Thuốc, Mỹ phẩm, Thực phẩm thành phố Cần Thơ)

STT	Danh mục hàng hóa/ dịch vụ	Số lượng	Đơn vị tính	Tính năng kỹ thuật	Nguồn gốc/ Xuất xứ
1	Buffered pepton water	1	Chai 500g	pH $7,0 \pm 0,2$ định tính, định lượng vsv	Châu Âu
2	Fluid thioglycollate	1	Chai 500g	pH $7,1 \pm 0,2$ định tính vsv	Châu Âu
3	Cetrimide Agar	1	Chai 500g	pH $7,2 \pm 0,2$ định danh vsv	Châu Âu
4	MacConkey Agar (MCA)	1	Chai 500g	pH $7,1 \pm 0,2$ định danh vsv	Châu Âu
5	MacConkey Broth (MCB)	1	Chai 500g	pH $7,3 \pm 0,2$ định danh vsv	Châu Âu
6	Mannitol Salt Agar (MSA)	1	Chai 500g	pH $7,4 \pm 0,2$ định danh vsv	Châu Âu
7	Mossel broth	1	Chai 500g	pH $7,2 \pm 0,2$ định danh vsv	Châu Âu
8	Rappaport Vassiliadis Salmonella enrichment broth	1	Chai 500g	pH $5,2 \pm 0,2$ định danh vsv	Châu Âu

STT	Danh mục hàng hóa/ dịch vụ	Số lượng	Đơn vị tính	Tính năng kỹ thuật	Nguồn gốc/ Xuất xứ
9	Sabouraud 4% dextrose agar with chloramphenicol (SA)	1	Chai 500g	pH $5,6 \pm 0,2$ định lượng, định danh vsv	Châu Âu
10	Sabouraud Dextrose broth (SB)	1	Chai 500g	pH $5,6 \pm 0,2$ định tính vsv	Châu Âu
11	Tryptic casein soy agar (TSA)	1	Chai 500g	pH $7,3 \pm 0,2$ định lượng vsv	Châu Âu
12	Tryptic casein soy broth (TSB)	1	Chai 500g	pH $7,3 \pm 0,2$ định tính vsv	Châu Âu
13	Violet-Red Bile agar (VRBG)	1	Chai 500g	pH $7,4 \pm 0,2$ định danh vsv	Châu Âu
14	Xylose-Lysine-Desoxycholate Agar (XLD)	1	Chai 500g	pH $7,4 \pm 0,2$ định danh vsv	Châu Âu
15	Antibiotic agar No.11	1	Chai 500g	pH $8,3 \pm 0,1$ định lượng kháng sinh	Châu Âu
16	Tween 80	1	Chai 500g	Tinh khiết dùng cho phân tích	Nhóm nước G7

Tổng cộng: 16 mặt hàng

TÊN ĐƠN VỊ BÁO GIÁ:.....
 ĐỊA CHỈ:.....
 SỐ ĐIỆN THOẠI:.....
 MÃ SỐ THUẾ:.....



BÁO GIÁ

Kính gửi: Trung tâm Kiểm nghiệm Thuốc, Mỹ phẩm, Thực phẩm thành phố Cần Thơ

Trên cơ sở yêu cầu báo giá số 153 /TB-TTKN ngày 16 tháng 4 năm 2025 của Trung tâm Kiểm nghiệm Thuốc, Mỹ phẩm, Thực phẩm thành phố Cần Thơ, chúng tôi báo giá cho **Danh mục hóa chất** như sau:

1. Báo giá, cụ thể:

Stt	Stt theo danh mục yêu cầu báo giá	Tên hàng	Đơn vị tính/ Đơn vị đóng gói	Số lượng	Tính năng kỹ thuật	Nguồn gốc/ Xuất xứ	Đơn giá đã bao gồm thuế, phí, lệ phí, chi phí (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)	CoA/ Phiếu kiểm nghiệm chất lượng		Tình trạng hàng hóa		Hạn dùng
									Có	Không	Có sẵn	Đặt hàng (Ghi rõ thời gian)	
1													
2													
n													

2. Báo giá này có hiệu lực tối thiểu trong vòng **180 ngày** kể từ ngày...16/4/2025.....

3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.
- Giá trị của các tài sản nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm qui định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.
- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

Ngày.....tháng.....năm 2025

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP THEO PHÁP LUẬT

(Ký tên và đóng dấu)

TÊN ĐƠN VỊ BÁO GIÁ:.....
 ĐỊA CHỈ:.....
 SỐ ĐIỆN THOẠI:.....
 MÃ SỐ THUẾ:.....



BÁO GIÁ

Kính gửi: Trung tâm Kiểm nghiệm Thuốc, Mỹ phẩm, Thực phẩm thành phố Cần Thơ

Trên cơ sở yêu cầu báo giá số 155 /TB-TTKN ngày 16 tháng 4 năm 2025 của Trung tâm Kiểm nghiệm Thuốc, Mỹ phẩm, Thực phẩm thành phố Cần Thơ, chúng tôi báo giá cho **Danh mục chất chuẩn/chất đối chiếu** như sau:

1. Báo giá, cụ thể:

Stt	Stt theo danh mục yêu cầu báo giá	Tên hàng	Đơn vị tính/ Đơn vị đóng gói	Số lượng	Tính năng kỹ thuật	Nguồn gốc/ Xuất xứ	Đơn giá đã bao gồm thuế, phí, lệ phí, chi phí (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)	CoA/ Phiếu kiểm nghiệm chất lượng		Tình trạng hàng hóa		Hạn dùng
									Có	Không	Có sẵn	Đặt hàng (Ghi rõ thời gian)	
1													
2													
n													

2. Báo giá này có hiệu lực tối thiểu trong vòng **180 ngày** kể từ ngày.....16/4/2025.....

3. Chúng tôi cam kết:

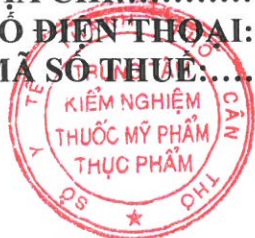
- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.
- Giá trị của các tài sản nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm qui định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.
- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

Ngày.....tháng.....năm 2025

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP THEO PHÁP LUẬT

(Ký tên và đóng dấu)

TÊN ĐƠN VỊ BÁO GIÁ:.....
 ĐỊA CHỈ:.....
 SỐ ĐIỆN THOẠI:.....
 MÃ SỐ THUẾ:.....



BÁO GIÁ

Kính gửi: Trung tâm Kiểm nghiệm Thuốc, Mỹ phẩm, Thực phẩm thành phố Cần Thơ

Trên cơ sở yêu cầu báo giá số 153 /TB-TTKN ngày 16 tháng 4 năm 2025 của Trung tâm Kiểm nghiệm Thuốc, Mỹ phẩm, Thực phẩm thành phố Cần Thơ, chúng tôi báo giá cho **Danh mục chủng vi sinh vật** như sau:

1. Báo giá, cụ thể:

Stt	Stt theo danh mục yêu cầu báo giá	Tên hàng	Đơn vị tính/ Đơn vị đóng gói	Số lượng	Tính năng kỹ thuật	Nguồn gốc/ Xuất xứ	Đơn giá đã bao gồm thuế, phí, lệ phí, chi phí (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)	CoA/ Phiếu kiểm nghiệm chất lượng		Tình trạng hàng hóa		Hạn dùng
									Có	Không	Có sẵn	Đặt hàng (Ghi rõ thời gian)	
1													
2													
n													

2. Báo giá này có hiệu lực tối thiểu trong vòng **180 ngày** kể từ ngày.....16/4/2025.....

3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.
- Giá trị của các tài sản nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm qui định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.
- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

Ngày.....tháng.....năm 2025

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP THEO PHÁP LUẬT

(Ký tên và đóng dấu)

TÊN ĐƠN VỊ BÁO GIÁ:.....
 ĐỊA CHỈ:.....
 SỐ ĐIỆN THOẠI:.....
 MÃ SỐ THUẾ:.....



BÁO GIÁ

Kính gửi: Trung tâm Kiểm nghiệm Thuốc, Mỹ phẩm, Thực phẩm thành phố Cần Thơ

Trên cơ sở yêu cầu báo giá số 153 /TB-TTKN ngày 16 tháng 4 năm 2025 của Trung tâm Kiểm nghiệm Thuốc, Mỹ phẩm, Thực phẩm thành phố Cần Thơ, chúng tôi báo giá cho **Danh mục môi trường nuôi cấy vi sinh** như sau:

1. Báo giá, cụ thể:

Stt	Stt theo danh mục yêu cầu báo giá	Tên hàng	Đơn vị tính/ Đơn vị đóng gói	Số lượng	Tính năng kỹ thuật	Nguồn gốc/ Xuất xứ	Đơn giá đã bao gồm thuế, phí, lệ phí, chi phí (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)	CoA/ Phiếu kiểm nghiệm chất lượng		Tình trạng hàng hóa		Hạn dùng
									Có	Không	Có sẵn	Đặt hàng (Ghi rõ thời gian)	
1													
2													
n													

2. Báo giá này có hiệu lực tối thiểu trong vòng **180 ngày** kể từ ngày.....16/4/2025.....

3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.
- Giá trị của các tài sản nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm qui định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.
- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

Ngày.....tháng.....năm 2025
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP THEO PHÁP LUẬT
(Ký tên và đóng dấu)